*\*Các dòng được gạch ngang nhằm để nhắc các bạn chú ý cấu trúc của câu/ cụm – xác định cẩn thận cấu tạo của câu/ cụm đó.*

|  |
| --- |
| Nếu bố mẹ không thể cho con trẻ sự hỗ trợ tinh thần và cố gắng để hiểu chúng, đặc biệt là các đứa trẻ đang đến tuổi dậy thì và gặp khó khăn với các khủng hoảng tâm lí, thì chúng có thể sẽ cảm thấy bị tách biệt và có các hành vi tiêu cực  Đến tuổi dậy thì: reach puperty  Bị tách biệt: be isolated |
| If parents aren’t able to give their children the emotional support and attempt to understand them, especially the child is going to reach puperty and have difficulty in psychological crisis, they may feel isolated and engage in negative behaviors. |

|  |  |
| --- | --- |
| Nếu bố mẹ không thể cho con trẻ sự hỗ trợ tinh thần and cố gắng để hiểu chúng, đặc biệt là các đứa trẻ đang đến đuổi dậy thì và gặp khó khăn với các khủng hoảng tâm lí, thì chúng có thể sẽ cảm thấy bị tách biệt và có các hành vi tiêu cực | Có thể được thấy ở xu hướng chống đối và tách biệt khỏi xã hội |
| If parents aren’t able to give their children the emotional support and attempt to understand them, especially the child is going to reach puperty and have difficulty in psychological crisis, they may feel isolated and engage in negative behaviors. | As can be seen in the propensity to oppose and separate from society |

|  |
| --- |
| Phải nhắc đến rằng 1 khi kiếm tiền trở thành 1 trách nhiệm chung thì áp lực tài chính mà 1 người phải chịu sẽ được giảm thiểu. |
| It must be mentioned that once earning money becomes common responsibility, the financial burden that one person has to carry will be minimized |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Sự xây dựng của các khu dân cư mới có thể giúp giải quyết vấn đề nhà ở tại các siêu đô thị, | nơi mà dân cư đang phải chịu sự thiếu hụt nhà ở trầm trọng, | khi dân số đang tăng ở một tốc độ nhanh chóng và sự phát triển kinh tế thì đang thu hút người đến từ các vùng quê. |
| The construction of new residential area can help resolve the housing problem in megacities, | Where the population is suffering from severe housing shortage, | When the population is sharply increase and economic development is attracting residents from the countryside |

|  |  |
| --- | --- |
| Thêm vào đó, các hoạt động nông nghiệp là 1 nguyên nhân lớn của biến đổi khí hậu toàn cầu, | điều này có nghĩa rằng nếu các hoạt động này bị giới hạn thì ít khí thải nhà kính sẽ được thải vào không khí. |
| In addition, agricultural activities were a significantly driving factor of global climate change, | This mean if these activities are diminished, less greenhouse gas emissions will be delivered to atmosphere |

|  |
| --- |
| Thực tế thì nếu không nhờ các cuộc thám hiểm đến các hành tinh xa xôi thì hệ thống định vị toàn cầu và các ứng dụng thực tiễn khác sẽ không bao giờ được tạo ra. |
| In fact, without expeditions to distant planet, global navigation system and other practical application would never have been existed |

|  |
| --- |
| Nếu các vấn đề xã hội khác như là đói nghèo và bệnh tật gây ra bởi điều kiện sống tồi tệ ở nhiều nơi trên thế giới tiếp tục không thuyên giảm thì sự ổn định xã hội và phồn vinh kinh tế chung sẽ không thể đạt được |
| Social stability and economic prosperity will not be reached If other social issues such as poverty and disease caused by insufficient living conditions in many parts of the world continue unabated. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Đúng thật là các mạng lưới xã hội mang đến 1 cách thức mới để lan truyền thông tin, hiệu quả hơn | It is true that social networks provide a new, more effective with spread information, in other words, the development of social media platforms and the widespread use of technology have made it possible for people to publicize businesses and personal brands, making them more frequently by the population, bringing in more clients, business partners or investors | | |
| Nói cách khác thì, sự phát triển của các nền tảng xã hội, cùng với sự phổ biến của các thiết bị công nghệ, đã cho phép mọi người có thể quảng bá doanh nghiệp và thương hiệu cá nhân, làm cho chúng được biến đến rộng rãi hơn bởi người dân, và do đó thu hút nhiều khách hàng hơn, cũng như là các đối tác doanh nghiệp hay nhà đầu tư. | Nói cách khác thì, sự phát triển của các nền tảng xã hội đã cho phép mọi người có thể quảng bá doanh nghiệp và thương hiệu cá nhân, | Nói cách khác thì, sự phát triển của các nền tảng xã hội, cùng với sự phổ biến của các thiết bị công nghệ, đã cho phép mọi người có thể quảng bá doanh nghiệp và thương hiệu cá nhân, làm cho chúng được biến đến rộng rãi hơn bởi người dân | , và do đó thu hút nhiều khách hàng hơn, cũng như là các đối tác doanh nghiệp hay nhà đầu tư. |
| in other words, the development of social media platforms and the widespread use of technology have made it possible for people to publicize businesses and personal brands | in other words, the development of social media platforms and the widespread use of technology have made it possible for people to publicize businesses and personal brands, making them more frequently by the population | , bringing in more clients, business partners or investors |